

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 1120 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 31 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư
đăng ký thực hiện dự án đầu tư trong địa bàn Khu kinh tế
cửa khẩu, Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 02/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040;

Công văn số 75/TTg-KTN ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vào quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 1330 /TTr-BQLKKT ngày 30 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Bộ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư trong địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện biên giới, Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh; các PCVP, CVNCTH;
- Lưu: VT, TH (HT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Thảo

BỘ TIÊU CHÍ

Lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư trong địa bàn
Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số: 1120/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ tiêu chí này để lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện các dự án mới có sử dụng đất trong địa bàn khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng (Bộ tiêu chí đánh giá đối với các dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất), trừ các dự án đầu tư mà nhà đầu tư có quyền sử dụng đất đối với toàn bộ khu đất thực hiện dự án. Không áp dụng Bộ tiêu chí này đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng khu dân cư, khu đô thị; xây dựng công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở thương mại; trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ và không áp dụng Bộ tiêu chí này đối với các dự án đầu tư thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu giá, đấu thầu theo quy định của Pháp luật về đất đai, đấu thầu, đấu giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ tiêu chí này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Bộ tiêu chí là cơ sở chấm điểm để lựa chọn Nhà đầu tư đủ năng lực thực hiện dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nhà đầu tư có quyền (nhưng không bắt buộc) cung cấp thêm tài liệu để thuyết minh, chứng minh việc đáp ứng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí này

Điều 4. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư trong địa bàn khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp

1. Tiêu chí về điều kiện bắt buộc

| STT | Tiêu chí | Đánh giá (Đạt/không đạt) |
|-----|--|-----------------------------|
| 1 | Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ | |

| | | |
|---|--|--|
| | quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp hoặc hộ chiếu trong trường hợp nhà đầu tư là cá nhân nước ngoài | |
| 2 | Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định | |
| 3 | Nhà đầu tư có vốn góp thuộc sở hữu của mình (trừ số vốn thuộc sở hữu đã góp vào dự án khác, nếu đang tham gia đầu tư nhiều dự án) để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư ¹ đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên | |
| 4 | Có cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính cho phần vốn còn lại (tổng mức đầu tư - vốn góp) | |
| 5 | Thành phần hồ sơ đề xuất dự án đầy đủ, trình bày logic, rõ ràng; nội dung đề xuất dự án phù hợp hoàn toàn với thông tin danh mục dự án được công bố | |

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tổng mức đầu tư do nhà đầu tư đề xuất.

2. Tiêu chí đánh giá chấm điểm

| STT | TIÊU CHÍ | THANG ĐIỂM CƠ SỞ (Đơn vị đề xuất dự án xác định điểm số từng tiêu chí với biên độ tăng, giảm tối đa 20% so với tham điểm cơ sở) | GHI CHÚ |
|-----|---|--|---------|
| I | PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG | 35 | |
| 1 | <i>Phương án sơ bộ quy hoạch tổng mặt bằng, ý tưởng kiến trúc dự án</i> | 15 | |
| 1.1 | Tổng mặt bằng phù hợp về bố trí các khu chức năng, công năng dự án; ý tưởng kiến trúc độc đáo, có tính thẩm mỹ và phù hợp đối với mục tiêu, tính chất, quy mô dự án | 15 | |
| 1.2 | Tổng mặt bằng và ý tưởng kiến trúc cơ bản phù hợp với mục tiêu, tính chất, quy mô dự án | 8 | |
| 1.3 | Tổng mặt bằng và ý tưởng kiến trúc còn nhiều hạn chế về công năng và thẩm mỹ với mục tiêu, tính chất, quy mô dự án | 1 | |

| | | | |
|----------|--|----------|--|
| 2 | Đề xuất giải pháp bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư | 5 | |
| 2.1 | Xác định được hiện trạng sử dụng đất và giải pháp bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư cụ thể, phù hợp (chi phí, kế hoạch, tiến độ...) | 5 | |
| 2.2 | Xác định được hiện trạng sử dụng đất tuy nhiên giải pháp bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư còn nhiều hạn chế, chưa phù hợp | 3 | |
| 2.3 | Không có đề xuất giải pháp bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc giải pháp quá sơ sài, không đáp ứng về chất lượng | 0 | |
| 3 | Thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư | 5 | |
| 3.1 | Có phương án đầu tư rút ngắn từ 50% thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư trở lên theo nội dung công bố danh mục dự án | 5 | |
| 3.2 | Có phương án đầu tư rút ngắn từ 30% đến dưới 50% thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo nội dung công bố danh mục dự án | 3 | |
| 3.3 | Có phương án đầu tư rút ngắn từ 10% đến dưới 30% thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo nội dung công bố danh mục dự án. | 2 | |
| 3.4 | Có phương án đầu tư rút ngắn dưới 10% hoặc đúng thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo nội dung công bố danh mục dự án. | 1 | |
| 4 | Phương án đánh giá sơ bộ tác động của môi trường | 5 | |
| 4.1 | Có đề xuất Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, có giải pháp về xử lý chất thải, công nghệ xử lý môi trường hiện đại, tiên tiến | 5 | |
| 4.2 | Có đề xuất Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, có giải pháp về xử lý chất thải | 3 | |
| 4.3 | Có đề xuất Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 | 1 | |

| | | | |
|------------|---|-----------|--|
| 5 | <i>Giải pháp đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cáp điện, cáp nước, viễn thông...)⁽¹⁾</i> | 5 | |
| 5.1 | Đề xuất phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật vào dự án phù hợp, chủ động cam kết sử dụng hoàn toàn nguồn vốn của nhà đầu tư để tự thực hiện xây dựng các hạng mục phục vụ đấu nối hạ tầng kỹ thuật vào dự án | 5 | |
| 5.2 | Đề xuất phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật vào dự án phù hợp, chủ động cam kết sử dụng một phần nguồn vốn của mình để cùng thực hiện xây dựng các hạng mục phục vụ đấu nối hạ tầng kỹ thuật vào dự án với cơ quan Nhà nước, đơn vị cáp điện, nước, viễn thông,... | 3 | |
| 5.3 | Xác định việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật vào dự án là trách nhiệm của Nhà nước, đơn vị cáp điện, nước, viễn thông,... | 0 | |
| II | PHƯƠNG ÁN KINH DOANH, VẬN HÀNH | 15 | |
| 1 | <i>Phân tích ý tưởng và tính khả thi của phương án kinh doanh, vận hành dự án</i> | 8 | |
| 1.1 | Có ý tưởng kinh doanh độc đáo, khác biệt. Đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm, dịch vụ của dự án và phân tích được tính khả thi của phương án kinh doanh dự án | 8 | |
| 1.2 | Đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm, dịch vụ của dự án và phân tích được tính khả thi của phương án kinh doanh dự án | 5 | |
| 1.3 | Không thực hiện phân tích hoặc phân tích quá sơ sài ý tưởng và tính khả thi của phương án kinh doanh, vận hành dự án | 0 | |
| 2 | Phương án sử dụng, đào tạo lao động | 7 | |
| 2.1 | Có thuyết minh phương án sử dụng lao động dự án và cam kết sử dụng, đào tạo từ 80% lao động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trở lên | 7 | |
| 2.2 | Có thuyết minh phương án sử dụng lao động dự án và cam kết sử dụng, đào tạo từ 50% đến dưới 80% lao động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng | 4 | |
| 2.3 | Có thuyết minh phương án sử dụng lao động dự án nhưng không cam kết tỷ lệ sử dụng, đào tạo lao động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng | 1 | |
| III | NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ | 30 | |

| | | | |
|-----------|--|-----------|--|
| 1 | Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự⁽²⁾ | 15 | |
| 1.1 | Có từ 04 dự án tương tự trở lên | 15 | |
| 1.2 | Có 03 dự án tương tự | 11 | |
| 1.3 | Có 02 dự án tương tự | 6 | |
| 1.4 | Có 01 dự án tương tự | 3 | |
| 2 | Năng lực tài chính về vốn chủ sở hữu⁽³⁾ | 15 | |
| 2.1 | Vốn góp thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án từ 80% tổng vốn đầu tư đăng ký trở lên | 15 | |
| 2.2 | Vốn góp thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án từ 50% đến dưới 80% tổng vốn đầu tư đăng ký | 11 | |
| 2.3 | Vốn góp thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án từ 30% đến dưới 50% tổng vốn đầu tư đăng ký | 7 | |
| 2.4 | Vốn góp thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án dưới 30% tổng vốn đầu tư đăng ký nhưng đáp ứng điều kiện bắt buộc về vốn chủ sở hữu | 3 | |
| IV | TIÊU CHÍ KHÁC | 20 | |
| 1 | Đang hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có hiệu quả, đóng góp cho ngân sách Nhà nước | 8 | |
| 1.1 | Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm gần nhất từ 5 tỷ đồng trở lên | 8 | |
| 1.2 | Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm gần nhất từ 2 đến dưới 5 tỷ đồng | 6 | |
| 1.3 | Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm gần nhất từ 500 triệu đến dưới 2 tỷ đồng | 4 | |
| 1.4 | Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm gần nhất từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng | 2 | |
| 1.5 | Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm gần nhất dưới 100 triệu đồng | 1 | |
| 2 | Đăng ký kinh doanh tại tỉnh Cao Bằng hoặc cam kết thành lập chi nhánh hạch toán độc lập tại tỉnh Cao Bằng để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh,... | 6 | |
| 3 | Cam kết trong quá trình hoạt động, việc thay đổi tần suất vốn góp giữa các thành viên, thay đổi các thành viên góp vốn được thực hiện thông qua | 6 | |

| | | |
|---|------------|--|
| hình thức chuyển nhượng cổ phần hoặc chuyển nhượng dự án | | |
| TỔNG CỘNG | 100 | |

Ghi chú:

(¹) Tiêu chí về "Giải pháp đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cáp điện, cáp nước, viễn thông...)" chỉ áp dụng đối với các dự án chưa có kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án. Trong trường hợp dự án đã có kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án thì loại bỏ tiêu chí nêu trên, điểm của tiêu chí này sẽ được phân phối vào các tiêu chí còn lại trong nhóm tiêu chí ở Phần I. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Việc phân bổ điểm (5 điểm) khi loại bỏ tiêu chí "Giải pháp đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cáp điện, cáp nước, viễn thông...)" như sau: trong 5 điểm sẽ phân bổ 2 điểm vào tiêu chí 2 (trong mục I) "Đề xuất giải pháp bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tại định cư" (lần lượt các mục 2.1 là 7 điểm, 2.2 là 4 điểm, 2.3 vẫn là 0 điểm); 2 tiếp theo điểm được được phân bổ vào tiêu chí 3 (trong mục I) "Thời gian, tiến độ thực hiện dự án" (lần lượt các mục 3.1 là 7 điểm, 3.2 là 4 điểm, 3.3 và 3.4 vẫn giữ nguyên là 2 điểm và 1 điểm); 1 điểm còn lại phân bổ vào tiêu chí 4 (trong mục I) "Phương án đánh giá sơ bộ tác động của môi trường" (lần lượt các mục 4.1 là 6 điểm, 4.2 và 4.3 vẫn giữ nguyên là 3 điểm và 1 điểm)).

(²) Dự án tương tự là các dự án có quy mô, tính chất tương tự có tổng vốn thực hiện dự án bằng hoặc lớn hơn 70% tổng vốn dự án đang xét.

(³) Vốn chủ sở hữu thực hiện dự án của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức (cổ tức là khoản lợi nhuận rộng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác (Khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020)),....).

- Đối với từng loại hình dự án cụ thể, Cơ quan đề xuất dự án căn cứ thang điểm cơ sở quy định nêu trên có thể thực hiện điều chỉnh điểm đối với từng tiêu chí với biên độ tăng, giảm tối đa 20%.

- Trong trường hợp cần thiết, có thể bổ sung thêm một số tiêu chí nhưng phải đảm bảo công bằng, minh bạch và không hạn chế nhà đầu tư đăng ký tham gia thực hiện dự án. Các tiêu chí bổ sung có tổng số điểm không được vượt quá 10 điểm và được đưa vào Phần IV. TIÊU CHÍ KHÁC.

3. Phương pháp đánh giá và lựa chọn nhà đầu tư

a) Đối với tiêu chí về điều kiện bắt buộc

- Hội đồng đánh giá đề xuất dự án thực hiện đánh giá "đạt" hoặc "không đạt" theo từng tiêu chí. Nhà đầu tư được đánh giá "đạt" toàn bộ tiêu chí về điều kiện bắt buộc mới tiếp tục được xem xét đánh giá tiêu chí đánh giá chấm điểm.

- Theo chức năng quản lý Nhà nước của từng thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công một hoặc nhiều thành viên trong Hội đồng báo cáo, đánh giá đối với từng tiêu chí về điều kiện bắt buộc. Việc xác định tiêu chí "đạt" hay "không đạt" được thực hiện thông qua phiếu đánh giá, tiêu chí được xem là "đạt" khi các thành viên Hội đồng được phân công đánh giá là "đạt".

b) Đối với các tiêu chí đánh giá chấm điểm

- Đối với các tiêu chí đánh giá chấm điểm, phương pháp đánh giá theo số điểm tổng hợp cao nhất. Nhà đầu tư được lựa chọn là nhà đầu tư có số điểm cao nhất và trên 50 điểm. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên cùng có số điểm cao nhất và bằng nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn là nhà đầu tư có tổng vốn đầu tư đề xuất cao nhất; trong trường hợp tổng vốn đầu tư đề xuất bằng nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn là nhà đầu tư cam kết vốn góp thuộc sở hữu để thực hiện dự án cao nhất; trong trường hợp nhà đầu tư cam kết vốn góp thuộc sở hữu để thực hiện dự án bằng nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn là nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự nhiều hơn được lựa chọn; trong trường hợp nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự bằng nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn là nhà đầu tư đang hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có hiệu quả, đóng góp cho ngân sách Nhà nước nhiều hơn được lựa chọn.

- Theo chức năng quản lý Nhà nước của từng thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công một hoặc nhiều thành viên trong Hội đồng báo cáo đối với từng nội dung của từng tiêu chí đánh giá theo thang điểm. Các thành viên Hội đồng thảo luận và chấm điểm các nội dung của tiêu chí mà mình được phân công. Điểm của mỗi nội dung là điểm trung bình cộng của các thành viên được phân công chấm điểm trong Hội đồng.

Điều 5. Những nhà đầu tư không được tham gia xét chọn

1. Nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư chậm tiến độ¹ bao gồm cả các nhà đầu tư là Cá nhân hoặc Công ty Cổ phần có cổ đông sáng lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Hợp tác xã, Doanh nghiệp tư nhân có thành viên đã tham gia thực hiện dự án chậm tiến độ nêu trên.

3. Vốn sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất dưới 20 hécta; thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 hécta trở lên.

Điều 6. Thời điểm tổ chức đánh giá, lựa chọn

Việc xem xét, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trong địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu và Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng được thực hiện trước thời điểm

¹ *Dự án đầu tư chậm tiến độ:* Là dự án đầu tư triển khai thực hiện không đảm bảo tiến độ đã ghi trong Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh tiến độ theo quy định của pháp luật về đầu tư.

² *Vốn sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư:* Được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Vốn sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư = vốn chủ sở hữu + nợ dài hạn - tài sản dài hạn). Đối với các doanh nghiệp mới thành lập được xác định là số dư tài khoản ngân hàng về vốn điều lệ đóng góp.

thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan thông nhất báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế./.